

CHỈ THỊ

**Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,
Dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 và Kế hoạch đầu tư
từ ngân sách nhà nước 3 năm 2013 - 2015**

Năm 2013 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, tạo đà cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020.

Để xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 và Kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước 3 năm 2013 - 2015 của cả nước và của các ngành, các cấp, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty nhà nước quán triệt và tập trung chỉ đạo triển khai theo các nội dung sau:

**A. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ -
XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2013**

1. Tổ chức đánh giá nghiêm túc tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2012 trên cơ sở đánh giá đầy đủ tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ; trong đó đặc biệt chú trọng đánh giá tình hình triển khai và thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2012, Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2012 về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường. Đánh giá các kết quả đạt được trong năm 2012 so với mục tiêu và chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2012. Phân tích làm rõ các nguyên nhân khách quan và chủ quan của những hạn chế, tồn tại để có biện pháp khắc phục trong thời gian tới.

2. Xác định mục tiêu và nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 căn cứ vào các mục tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 tại Nghị quyết số 10/2011/QH13 ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội, tình hình thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch phát triển



kinh tế - xã hội năm 2012 và dự báo tình hình trong nước, thế giới trong thời gian tới; đồng thời, phải gắn với đặc điểm của từng ngành, lợi thế so sánh của từng địa phương để bảo đảm tính khả thi.

3. Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 phải bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 và giai đoạn 2011 - 2015, phù hợp với kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước 3 năm 2013 - 2015, gắn với các nhiệm vụ, hoạt động trọng tâm của cơ quan, đơn vị; đúng chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước và trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí; đảm bảo thời gian qui định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

4. Việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 phải bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị và các ngành, các cấp.

5. Bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng trong xây dựng kế hoạch và phân bổ nguồn lực, ngân sách nhà nước.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2013

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT:

Nâng cao chất lượng tăng trưởng gắn với tái cơ cấu nền kinh tế đi đôi với việc tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm nền kinh tế phát triển bền vững, tạo đà cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015. Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

II. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Về phát triển kinh tế năm 2013 tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau:

a) Tập trung thực hiện các giải pháp chính sách, trước hết là các chính sách tiền tệ, tín dụng, chính sách thuế, đất đai, cải cách hành chính, giảm phiền hà cho doanh nghiệp và chủ đầu tư để tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng. Phấn đấu đạt tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) khoảng 6,0 - 6,5%.

b) Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế, trước mắt tập trung vào ba lĩnh vực quan trọng là tái cơ cấu đầu tư, tái cơ cấu thị trường tài chính và tái cơ cấu doanh nghiệp để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư.

c) Phát triển các sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, ưu tiên phát triển những sản phẩm có chất lượng, giá trị gia tăng cao, áp dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, sử dụng tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường. Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp sinh học và công nghiệp môi trường.

d) Thực hiện các giải pháp hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, phát triển nông thôn gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản. Khuyến khích tập trung ruộng đất, đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hoá quy mô lớn với năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao. Phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất công nghiệp, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Rà soát và phát triển giống cây trồng và giống vật nuôi quốc gia. Phát triển kinh tế rừng, phát triển các vùng rừng nguyên liệu tập trung, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn quốc gia. Bổ sung, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho sản xuất nông nghiệp, thủy sản. Khai thác có hiệu quả nguồn lợi thủy sản và phát triển đánh bắt xa bờ bảo đảm phát triển bền vững. Đẩy mạnh xuất khẩu nông sản có chất lượng, giá trị gia tăng cao, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động đồng thời với việc bảo đảm vững chắc an ninh lương thực. Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có cơ chế chính sách phù hợp để tăng cường huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

đ) Phát triển mạnh các lĩnh vực dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng và lợi thế lớn, có hàm lượng khoa học và công nghệ cao, mang lại giá trị gia tăng cao. Phát triển các dịch vụ như du lịch, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác. Đẩy mạnh tham gia mạng phân phối toàn cầu; xây dựng thương hiệu hàng hoá và một số lĩnh vực dịch vụ của Việt Nam.

e) Tập trung đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là những mặt hàng có giá trị gia tăng cao; có biện pháp kiểm soát nhập khẩu phù hợp với các quy định của WTO, giảm nhập siêu ở mức hợp lý. Giảm dần tỷ trọng hàng xuất khẩu là nguyên liệu thô và sơ chế. Hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng không thiết yếu, thiết bị công nghệ lạc hậu, các mặt hàng trong nước đã sản xuất được. Tích cực, chủ động khai thác, mở rộng thị trường, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ với các đối tác.

g) Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty nhà nước. Tiếp tục rà soát, sắp xếp các dự án đầu tư, tập trung đầu tư phát triển các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Sửa đổi các văn bản pháp luật có liên quan để xác định rõ cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước; có chế tài đủ mạnh, rõ ràng, minh bạch để quản lý, giám sát có hiệu quả việc sử dụng vốn và tài sản

tại các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, bảo đảm khu vực doanh nghiệp nhà nước thực hiện tốt vai trò của mình trong nền kinh tế, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội tương xứng với nguồn lực hiện có.

Cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ đẩy mạnh cải cách, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Tăng cường cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp. Đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin doanh nghiệp giữa các cơ quan quản lý nhà nước; thực hiện đồng bộ việc giám sát của các cơ quan quản lý chuyên ngành về hoạt động của doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

h) Tiếp tục tăng cường thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn. Tập trung vốn nhà nước vào đầu tư đồng bộ các công trình, dự án trọng yếu; ưu tiên đầu tư đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, phát triển nguồn nhân lực, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng chiến lược thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, định hướng vào những lĩnh vực cơ sở hạ tầng, công nghiệp “xanh”, thân thiện với môi trường; lĩnh vực công nghệ cao; khai thác và chế biến sâu tài nguyên khoáng sản; đào tạo nguồn nhân lực; lĩnh vực tạo liên kết với các khu vực kinh tế khác và liên kết vùng; những lĩnh vực, dự án có giá trị gia tăng cao; lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu... Nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư nước ngoài. Phát huy vai trò và nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài vào phát triển đất nước.

i) Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách.

2. Về ổn định kinh tế vĩ mô năm 2013, tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau:

a) Thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt, thận trọng nhằm mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ hiệu quả sản xuất kinh doanh, phục hồi tăng trưởng đồng thời kiềm chế lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền. Có cơ chế phù hợp để các doanh nghiệp tiếp cận được nguồn vốn, tăng dư nợ tín dụng ở mức hợp lý. Tăng cường quản lý hoạt động của hệ thống ngân hàng, thị trường ngoại tệ và thị trường vàng; tiếp tục thực hiện cơ cấu lại các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính khác; bảo đảm tính thanh khoản và an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng; giảm nợ xấu, từng bước phát triển thị trường mua bán nợ. Tăng dự trữ ngoại hối để đảm bảo an ninh tiền tệ quốc gia. Thực hiện chính sách tỷ giá hối đoái phù hợp để khuyến khích xuất khẩu, nâng cao tính cạnh tranh của hàng hoá trong nước.

b) Thực hiện chính sách tài khóa thận trọng, phối hợp hài hoà với chính sách tiền tệ trong việc thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và phục hồi, thúc đẩy tăng trưởng. Lập dự toán thu từ đất sát với thực tế. Kiểm soát chặt chẽ và minh bạch thu, chi ngân sách nhà nước, đầu tư công, nhất là đầu tư từ ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, tín dụng đầu tư của Nhà nước và đầu tư của khu vực doanh nghiệp nhà nước; nâng cao chất lượng công tác lập dự toán ngân sách nhà nước; dư nợ Chính phủ, nợ công, nợ nước ngoài quốc gia ở mức an toàn, bảo đảm an ninh tài chính quốc gia. Giám sát chặt chẽ việc vay, trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp, nhất là vay ngắn hạn. Rà soát các quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu công trình để tạo thêm điều kiện cho các doanh nghiệp huy động vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

c) Thực hiện nhất quán chủ trương quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước đối với giá điện, than, xăng dầu, giá dịch vụ công theo lộ trình phù hợp với mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng hợp lý; bảo đảm công khai minh bạch trong điều hành giá các mặt hàng Nhà nước định giá để tạo sự đồng thuận trong dư luận xã hội; giám sát các hành vi lạm dụng vị thế có thị phần lớn trên thị trường để nâng giá, giảm giá hoặc giảm chất lượng của các doanh nghiệp cung ứng các sản phẩm, dịch vụ trên; thực hiện các biện pháp hỗ trợ hộ nghèo, đối tượng chính sách chịu tác động lớn khi Nhà nước điều chỉnh giá một số mặt hàng theo cơ chế thị trường; tăng cường kiểm soát thị trường, giá cả, bảo đảm chất lượng và giá cả các mặt hàng, sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống, sức khoẻ nhân dân.

3. Về phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa và lĩnh vực an sinh xã hội năm 2013 cần tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau:

a) Từng bước phát triển giáo dục, đào tạo theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá và hội nhập quốc tế đến năm 2020. Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, quan tâm hơn nữa đến vùng khó khăn, vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đổi mới mạnh mẽ giáo dục đại học, cao đẳng theo hướng tăng tính tự chủ cho cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp. Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, mạng lưới các cơ sở đào tạo nghề phù hợp với Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020. Coi trọng đào tạo nghề cả về mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng; triển khai thực hiện tốt lộ trình của Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020. Thực hiện tốt công tác xã hội hoá giáo dục để bảo đảm nhu cầu học tập của các đối tượng, nhất là giáo dục mầm non.

b) Phát triển khoa học và công nghệ phải gắn với đời sống xã hội, là nhân tố quan trọng để tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, là động lực cho đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách phát triển khoa học - công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học - công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Ưu tiên nguồn lực thực hiện các chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, phát triển công nghệ cao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, tăng cường hội nhập quốc tế về khoa học - công nghệ. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm xã hội hóa đầu tư cho khoa học và công nghệ để đạt mức trên 2% GDP vào năm 2020. Từng bước hoàn thiện hệ thống chuẩn đo lường quốc gia, hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia và đánh giá sự phù hợp đạt chuẩn quốc tế phục vụ có hiệu quả việc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam. Xây dựng và triển khai lộ trình phát triển kinh tế tri thức đến năm 2020. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học xã hội, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, cung cấp luận cứ khoa học cho phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

c) Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực thông tin, văn hoá, thể thao. Phát huy các giá trị tốt đẹp và truyền thống văn hóa dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới. Triển khai kế hoạch, chương trình phát triển văn hoá gắn với phát triển du lịch và các hoạt động kinh tế. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hoá nguồn lực đối với lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao. Đẩy mạnh phát triển thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hoá, thông tin, thể thao; hạn chế tối đa việc sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức lễ hội. Tiếp tục nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản; tăng phủ sóng phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc thiểu số tới các vùng sâu, vùng xa miền núi.

d) Đẩy mạnh phát triển thị trường lao động; chú trọng tạo việc làm ổn định, cải thiện môi trường và điều kiện lao động, tăng thu nhập và nâng cao mức sống cho người lao động, bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; tăng cường giám sát và điều tiết quan hệ cung cầu lao động. Tiếp tục thực hiện đồng bộ và hiệu quả các chương trình, dự án về giảm nghèo nhằm bảo đảm giảm nghèo nhanh và bền vững, đặc biệt đối với các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, an toàn khu. Từng bước thu hẹp khoảng cách giàu nghèo.

đ) Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ nhân dân; giảm quá tải tại bệnh viện, nhất là tại các bệnh viện đầu ngành tuyến trung ương. Chủ động triển khai công tác y tế dự phòng, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Triển khai có hiệu quả các biện pháp bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm. Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đặc biệt là nhóm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, từng bước thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân. Đổi mới cơ chế giá dịch vụ khám chữa bệnh đồng bộ với đổi mới về cơ chế đối với các dịch vụ công cho y tế. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hoá nguồn lực đối với các lĩnh vực y tế.

Tăng cường quản lý nhà nước về sản xuất, nhập khẩu, lưu thông, cung ứng dược phẩm. Phát triển công nghiệp sản xuất thuốc, chú trọng sản xuất thuốc từ dược liệu, vắc xin, sinh phẩm y tế; bảo tồn và phát triển nguồn cây thuốc, quy hoạch và phát triển các vùng dược liệu.

e) Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện với trẻ em; bảo đảm thực hiện quyền trẻ em đối với các cấp, các ngành. Xây dựng môi trường phát triển toàn diện cho thanh niên đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Từng bước bảo đảm bình đẳng giới trong mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; thu hẹp khoảng cách giới, xóa dần định kiến về giới trong đời sống xã hội.

g) Tập trung giải quyết những bức xúc trong nhân dân, nhất là trong việc giải toả đền bù thu hồi đất và những tiêu cực trong y tế, giáo dục, đào tạo, tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông ở các thành phố lớn; bảo đảm trật tự an toàn xã hội; tăng cường phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

4. Về tài nguyên, môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, cần tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau:

a) Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ sở pháp lý về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường để bảo vệ, khai thác hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường; ngăn chặn việc khai thác trái phép, khai thác lãng phí các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng; thực hiện tốt phòng chống cháy rừng. Giảm thiểu mức độ gia tăng ô nhiễm, phục hồi suy thoái và nâng cao chất lượng môi trường. Thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục và cải thiện ô nhiễm môi trường, đặc biệt tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu vực đông dân cư.

b) Xây dựng các chương trình hành động thực hiện Chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ nêu trong Chiến lược tăng trưởng xanh. Tổ chức huy động và thực hiện có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các chương trình.

c) Nâng cao năng lực dự báo, ứng phó có hiệu quả với các thảm họa thiên nhiên. Hoàn thiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu mà Việt Nam đã ký kết.

5. Về cải cách hành chính năm 2013 cần tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu sau:

a) Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020, tập trung vào đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa một số dịch vụ công gắn với tinh giản bộ máy tổ chức, biên chế, tái cấu trúc nền tài chính công. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước gắn với việc đổi mới phương thức điều hành của hệ thống hành chính, tạo sự công khai minh bạch trong công tác quản lý nhà nước.

b) Tiếp tục rà soát điều chỉnh lại cơ cấu tổ chức, biên chế, quy chế hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu quả bảo đảm sự điều hành tập trung, thống nhất, thông suốt có hiệu lực từ Chính phủ đến chính quyền địa phương, cơ sở; tạo chuyển biến mạnh về cải cách hành chính, đẩy mạnh cải cách lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hoàn thiện cơ chế phân cấp, bảo đảm quản lý thống nhất về quy hoạch và định hướng phát triển.

c) Khẩn trương bổ sung, sửa đổi một số chính sách cần và có thể điều chỉnh ngay về bảo hiểm xã hội, chế độ tiền lương, trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, hưu trí và người có công nhằm sớm khắc phục những bất hợp lý nổi cộm hiện nay trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách nhà nước. Ưu tiên điều chỉnh tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang gắn với việc khắc phục tình trạng quá nhiều loại phụ cấp; soát xét lại chế độ tiền lương trong các doanh nghiệp nhà nước, khắc phục tình trạng bất hợp lý, chênh lệch quá lớn giữa cán bộ quản lý và người lao động; tiền lương, thu nhập không gắn với kết quả sản xuất kinh doanh. Khẩn trương nghiên cứu xây dựng Đề án cải cách chế độ tiền lương giai đoạn 2013 - 2020 cùng với các đề án có liên quan, tạo bước đột phá trong việc tạo nguồn, bảo đảm cho cải cách tiền lương.

d) Nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo đảm ổn định chính trị, xã hội. Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, quản lý vốn, tài sản của Nhà nước. Xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm để củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

6. Về quốc phòng, an ninh cần tiếp tục tập trung thực hiện nhiệm vụ tăng cường tiềm lực quốc phòng, bảo đảm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Nâng cao chất lượng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trong tình hình mới. Bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, quan tâm đặc biệt đến các vùng, địa bàn trọng điểm về an ninh chính trị

và trật tự an toàn xã hội. Phát triển kinh tế xã hội kết hợp chặt chẽ với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Tập trung hoàn thành phân giới, cắm mốc biên giới đất liền bảo đảm an ninh biên giới đất liền và an ninh, an toàn trên biển; nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ biên giới và chủ quyền lãnh thổ, biển đảo.

7. Thực hiện tốt đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, tăng cường hợp tác quốc tế, tạo môi trường hòa bình, ổn định và tranh thủ mọi nguồn lực từ bên ngoài để phát triển đất nước. Xây dựng và tiếp tục thực hiện các chương trình hành động triển khai quan hệ đối tác toàn diện, đối tác chiến lược giữa Việt Nam và một số quốc gia, vùng lãnh thổ.

8. Tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng phân tích và dự báo tình hình trong nước và quốc tế, đặc biệt là những biến động về tình hình chính trị, kinh tế, tài chính thế giới. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp trong thực hiện công tác phân tích dự báo. Chủ động xây dựng các phương án ứng phó với những biến động của tình hình kinh tế thế giới tới nền kinh tế trong nước trong mọi tình huống.

9. Đổi mới và hoàn thiện chế độ cung cấp thông tin và trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng trước nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở; hoàn thiện cơ chế để nhân dân đóng góp ý kiến, phản biện xã hội và giám sát công việc của Đảng và Nhà nước, nhất là về các chính sách kinh tế, xã hội, về quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển quan trọng. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền; tăng cường các thông tin chính thức một cách công khai, minh bạch, kịp thời về tình hình và các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước.

III. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước:

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2013 phải được xây dựng tích cực, trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu ngân sách năm 2012, đồng thời đánh giá, dự báo tình hình đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu năm 2013; bảo đảm tính đúng, tính đủ, kịp thời các khoản thu ngân sách theo chính sách, chế độ; đồng thời, có tính đến các khoản thuế được miễn, giảm, giãn theo các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ; tăng cường theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ số thuế phải nộp; chỉ đạo quyết liệt chống thất thu, thu số thuế nợ đọng từ các năm trước, các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi, các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán,...

Trên cơ sở đó, đặt mục tiêu huy động vào ngân sách nhà nước năm 2013 từ thuế, phí khoảng 22 - 23% GDP. Dự toán thu nội địa (không kể thu từ dầu thô, thu tiền sử dụng đất) tăng bình quân tối thiểu 14 - 16% so với ước thực hiện năm 2012 (đã loại trừ các yếu tố tác động do thực hiện gia hạn, miễn, giảm thuế theo các quyết định của cấp có thẩm quyền). Dự toán thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân tối thiểu 5 - 7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2012. Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương.

2. Đối với dự toán chi ngân sách nhà nước:

Các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương chủ động xác định nhiệm vụ quan trọng, trọng tâm cần thực hiện năm 2013, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể và lập dự toán chi ngân sách nhà nước theo đúng các quy định pháp luật về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách hiện hành, đảm bảo triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu dự toán, trong đó cần chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai trong năm 2013, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị, các chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn lực ngân sách nhà nước được phân bổ.

Để phục vụ kịp thời cho công tác xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, các Bộ, cơ quan Trung ương quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm:

- Tiếp tục rà soát hệ thống các chính sách, chế độ, định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực quản lý. Trên cơ sở đó, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung những chế độ, cơ chế, chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật không phù hợp với thực tế.

- Khi đề xuất, sửa đổi, bổ sung các chính sách, chế độ cần điều tra, khảo sát để nắm chắc số lượng đối tượng, dự kiến nhu cầu kinh phí; tính toán lồng ghép giữa các chính sách, chế độ dự kiến sửa đổi hoặc ban hành mới với các chính sách hiện hành, phối hợp với cơ quan tài chính tính toán nguồn lực; chỉ trình cấp có thẩm quyền quyết định khi đã xác định cân đối được nguồn lực, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

- Rà soát, đề xuất nhu cầu thay đổi biên chế với các cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý làm cơ sở cho việc bố trí ngân sách năm sau cho phù hợp.

Việc xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2013 đối với một số lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể được thực hiện như sau:

a) Chi đầu tư phát triển:

Chi đầu tư phát triển kế hoạch năm 2013 phải phù hợp với Kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước 3 năm 2013 - 2015 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015.

Rà soát, sắp xếp bố trí vốn đảm bảo tập trung, đúng mục tiêu, thời gian hoàn thành dự án theo quy định.

Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2013 bố trí đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Tập trung bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án quan trọng quốc gia, các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các ngành, các địa phương.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án, công trình đã hoàn thành và đã bàn giao, đưa vào sử dụng trong năm 2012 nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án dự kiến hoàn thành năm 2013 (theo tiến độ trong quyết định đầu tư, khả năng cân đối vốn và khả năng thực hiện trong năm 2013); vốn đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ thực hiện dự án; các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012 - 2015 nhưng chưa được bố trí đủ vốn để hoàn thành, phát huy hiệu quả.

- Bố trí hoàn trả các khoản vốn ứng trước đến hạn phải trả.

- Số vốn còn lại bố trí cho các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt. Đối với các dự án chuyển tiếp cần rà soát phạm vi, quy mô đầu tư phù hợp với mục tiêu và khả năng cân đối vốn.

- Hạn chế tối đa việc bố trí vốn cho các dự án khởi công mới. Kế hoạch năm 2013 chỉ bố trí vốn cho dự án mới thật sự cấp thiết và đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định; việc bố trí vốn phải bảo đảm dự án nhóm C hoàn thành trong 3 năm, nhóm B hoàn thành trong 5 năm.

Tập trung thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, tạo nguồn vốn để đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Chi thường xuyên:

Xây dựng dự toán chi phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hoá - thông tin, môi trường theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội; ưu tiên bố trí chi cải cách tiền lương, bảo đảm an sinh xã hội; chi quốc phòng, an ninh trong tình hình mới; chi quản lý hành chính nhà nước bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, trên cơ sở chỉ bảo đảm tăng chi cho các chính sách, chế độ, định mức hiện hành và các nhiệm vụ cấp bách dự kiến chắc chắn sẽ phát sinh năm 2013 cần phải bố trí kinh phí.

Trong xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương sắp xếp, cơ cấu lại nhiệm vụ chi phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước. Tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập về cả tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính để đa dạng hoá, nâng cao chất lượng dịch vụ công và nguồn lực phát triển sự nghiệp công, thực hiện cải cách tiền lương theo lộ trình chung. Các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các địa phương cần chủ động, tích cực xây dựng lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ nhằm thúc đẩy quá trình xã hội hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ công, phù hợp với khả năng đóng góp của của người dân. Thực hiện cơ chế đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cụ thể trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật để tăng quyền tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

Tiếp tục thực hiện bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho các địa phương để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các mục tiêu, chương trình đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Trong điều kiện cân đối ngân sách khó khăn, đồng thời phải dành nguồn cải cách tiền lương, yêu cầu các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng ngân sách lập dự toán chi thường xuyên trên cơ sở triệt để tiết kiệm, đặc biệt là dự toán chi cho các hoạt động tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, công tác trong nước và ngoài nước.

c) Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:

Bộ Kế hoạch và đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia khẩn trương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012 - 2015 để làm cơ sở xác định dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia năm 2013.

Các Bộ, cơ quan quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian, nguồn lực thực hiện các dự án của từng chương trình mục tiêu quốc gia, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xây dựng và phân bổ dự toán chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2013 theo hướng đổi mới phương thức quản lý, triển khai thực hiện, tăng cường phân cấp cho các địa phương, nâng cao trách nhiệm của địa phương trong việc lồng ghép, phân bổ, sử dụng nguồn vốn được giao để thực hiện được các mục tiêu chung của các chương trình, bảo đảm sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả, tránh dàn trải và kéo dài thời gian thực hiện. Phương án phân bổ chi chương trình mục tiêu quốc gia phải được tổng hợp trong phương án phân bổ ngân sách trung ương năm 2013 trình Quốc hội quyết định. Các bộ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng mục tiêu, tiêu chí, cơ chế chính sách và hướng dẫn tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện các chương trình.

d) Đối với vốn trái phiếu Chính phủ:

Trên cơ sở kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012 - 2015 và năm 2012 đã giao, các bộ, địa phương đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2012; dự kiến kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2013 theo hướng ưu tiên bố trí vốn cho các dự án hoàn thành trước năm 2012, dự kiến hoàn thành năm 2013 thuộc danh mục sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012 - 2015 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ.

đ) Về cơ chế tạo nguồn để cải cách tiền lương:

Năm 2013, các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương tiếp tục chủ động thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định: nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương; một phần số thu được để lại theo chế độ của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp; 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể tăng thu tiền sử dụng đất); các nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm trước chưa sử dụng hết (nếu có). Yêu cầu các Bộ, ngành và địa phương đẩy mạnh đổi mới cơ chế hoạt động, tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để từ năm 2014 trở đi sẽ thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương mới.

e) Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA):

Thực hiện lập dự toán ngân sách năm 2013 theo đúng trình tự, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn, các Nghị định của Chính phủ về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), quy trình giải ngân trong các văn kiện chương trình/dự án và hiệp định tài trợ đã ký kết, trong đó chi tiết nguồn vốn ODA, vốn đối ứng theo các chương trình, dự án và theo tính chất nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản và kinh phí sự nghiệp phù hợp với tiến độ giải ngân năm 2013. Ưu tiên bố trí đủ vốn đối ứng các dự án ODA theo tiến độ giải ngân của các dự án.

g) Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

3. Xây dựng dự toán ngân sách địa phương các cấp

Năm 2013 là năm trong thời kỳ ổn định ngân sách địa phương 2011 - 2015. Dự toán ngân sách địa phương năm 2013 được xây dựng bảo đảm cân đối đủ nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách đã được cấp có thẩm quyền ban

hành và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, góp phần tích cực cùng Trung ương thực hiện ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, từng bước tái cấu trúc nền kinh tế nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý và bền vững.

Dự toán ngân sách địa phương các cấp năm 2013 ngoài việc bảo đảm các yêu cầu tại Khoản 1, Khoản 2 Mục III nêu trên còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Việc xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Căn cứ mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015, khả năng thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2012, dự báo tăng trưởng kinh tế và nguồn thu năm 2013 đối với từng ngành, từng lĩnh vực, năng lực và hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh của đối tượng nộp thuế trên địa bàn và những nguồn thu mới, lớn phát sinh trên địa bàn địa phương để tính đúng, tính đủ nguồn thu đối với từng lĩnh vực, từng sắc thuế theo chế độ. Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2013 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, từng khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do thực hiện các chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế, miễn tiền thuê đất và các chính sách thu mới của các cấp có thẩm quyền.

b) Xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương:

Căn cứ vào nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương hoặc số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (nếu có) đã được giao ổn định giai đoạn 2011 - 2015 và số bổ sung hỗ trợ theo khả năng cân đối của ngân sách trung ương theo quy định tại Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của NSNN năm 2011 để xác định nguồn ngân sách địa phương. Trong phạm vi nguồn thu ngân sách địa phương đã được xác định, xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương cụ thể đối với từng lĩnh vực chi, trong đó cần tập trung nguồn lực bảo đảm các lĩnh vực chi giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học công nghệ, văn hoá thông tin, sự nghiệp môi trường theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội.

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tình hình thực hiện dự toán đối với các khoản được bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2012, căn cứ các chính sách và chế độ hiện hành, xây dựng dự toán chi thực hiện các dự án, nhiệm vụ quan trọng, xây dựng dự toán số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương năm 2013 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29 Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06

tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước. Trong đó, dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư được xác định trên cơ sở tiêu chí, định mức hỗ trợ theo Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2015; dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp căn cứ vào chế độ, chính sách đã quyết định để bảo đảm nguồn thực hiện các chế độ, chính sách trong năm 2013.

c) Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất:

Các địa phương xây dựng dự toán thu tiền sử dụng đất trên địa bàn năm 2013 bảo đảm phù hợp với khả năng triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt kế hoạch, tiến độ thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất và nộp tiền sử dụng đất, dự kiến số thu tiền sử dụng đất đối với các dự án do khó khăn về tài chính được gia hạn chuyển nộp trong năm 2013; đồng thời, lập phương án bố trí dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản tương ứng để đầu tư cho các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án di dân, tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng; chủ động phân bổ lập Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ; ưu tiên bố trí đủ kinh phí để đẩy nhanh công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và Nghị quyết của Quốc hội.

d) Đối với nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết:

Thực hiện quản lý thu, chi qua ngân sách nhà nước (không đưa vào cân đối ngân sách nhà nước) và được sử dụng để đầu tư các công trình phúc lợi xã hội, trong đó tập trung cho các lĩnh vực giáo dục, y tế, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo quy định. Việc bố trí vốn cho các dự án theo đúng các nguyên tắc quy định tại tiết a, điểm 1, mục III, phần B của Chi thị này.

đ) Các địa phương chủ động tính toán dành nguồn để thực hiện cải cách tiền lương năm 2013 theo quy định tại Chi thị này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

e) Xây dựng kế hoạch huy động và trả nợ (cả gốc và lãi) cho đầu tư phát triển theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm số dư nợ huy động (bao gồm cả số dự kiến trong năm) không vượt quá 30% dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách cấp tỉnh (riêng thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh không vượt quá 100%).

4. Cùng với việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước chủ động đánh giá, phân tích cụ thể kết quả đạt được và những yếu kém trong quản lý điều hành thu, chi ngân sách năm 2012; đánh giá tình hình quyết toán vốn dự án đầu tư hoàn thành (số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán đến hết tháng 6 năm 2012 và dự kiến sẽ quyết toán đến hết năm 2012); tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quyết toán và kiểm tra, xét duyệt và thẩm tra quyết toán ngân sách năm 2011 theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước; thực hiện công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2010; tiến hành xử lý, giải quyết ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong bố trí dự toán chi ngân sách chưa phù hợp với tình hình thực tế triển khai thực hiện và Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện và kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

C. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2013 - 2015

I. CÁC NGUYÊN TẮC

Việc xây dựng Kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước 3 năm 2013 - 2015 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch đầu tư 2013 - 2015) phải quán triệt theo các nguyên tắc sau đây:

1. Việc xây dựng Kế hoạch đầu tư 2013 - 2015 nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu và các định hướng phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011 - 2015 trong phạm vi cả nước, trong từng ngành, từng lĩnh vực và từng vùng, từng địa phương. Gắn việc xây dựng Kế hoạch đầu tư 2013 - 2015 với việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.

2. Kế hoạch đầu tư 2013 - 2015 được xây dựng trên cơ sở cân đối giữa các mục tiêu, nhu cầu đầu tư với khả năng cân đối vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch thu chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2013 - 2015; khả năng cân đối các nguồn vốn khác của nhà nước.

3. Trong điều kiện nguồn ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, cân đối thu chi còn nhiều khó khăn, đầu tư ngân sách nhà nước chỉ tập trung đầu tư cho các công trình, dự án đã được bố trí vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ (còn thiếu vốn), đang triển khai trong các kế hoạch hàng năm để bảo đảm hoàn thành dứt điểm, đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả. Đối với các dự án khởi công mới, phải cân nhắc kỹ lưỡng chỉ bố trí vốn khởi công mới các dự án thật sự cấp bách, cấp thiết khi xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách. Không bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Đồng thời, đề xuất các giải pháp huy động vốn từ các thành phần kinh tế ở trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các dự án có thể thu hồi vốn trực tiếp.

4. Kế hoạch đầu tư 2013 - 2015 phải được xây dựng trên cơ sở cơ cấu lại đầu tư từ ngân sách nhà nước theo hướng tập trung, nâng cao hiệu quả đầu tư. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung thống nhất trong việc xác định các mục tiêu, định hướng, chính sách và các cân đối lớn trong đầu tư, đi đôi với việc tiếp tục tăng cường phân cấp, phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành, gắn với trách nhiệm được giao.

5. Bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch trong việc xây dựng Kế hoạch đầu tư 2013 - 2015. Trong quá trình xây dựng Kế hoạch đầu tư 2013 - 2015 phải tổ chức thảo luận, lấy ý kiến của các cấp, các ngành, các tổ chức và cộng đồng dân cư có liên quan, tạo sự đồng thuận và phát triển bền vững.

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Để xây dựng Kế hoạch đầu tư 2013 - 2015, các cấp, các ngành tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Các bộ, ngành, các địa phương tổ chức đánh giá tình hình đầu tư từ ngân sách nhà nước trong 2 năm 2011 - 2012; những kết quả đạt được trong việc thực hiện đổi mới quản lý, cơ cấu lại đầu tư từ ngân sách nhà nước quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; những tồn tại và những khó khăn trong việc lập và thực hiện Kế hoạch đầu tư theo cơ chế mới; giữa yêu cầu quản lý tập trung thống nhất và tạo sự chủ động của các cấp, các ngành và cơ sở.

2. Tiến hành rà soát lại các cơ chế chính sách, các chương trình, các khoản bổ sung có mục tiêu của ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương; sửa đổi theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung theo nguyên tắc giảm số lượng các chương trình, các khoản bổ sung có mục tiêu; sáp nhập các chương trình, các khoản bổ sung có cùng mục tiêu hoặc có mục tiêu tương tự nhau; chuyển các chương trình có mục tiêu đầu tư dài hạn vào kế hoạch đầu tư trong cân đối hàng năm. Đồng thời, tổ chức lồng ghép các chương trình ở địa phương đi đôi với việc phân cấp cho địa phương chủ động bố trí dự án cụ thể trên cơ sở kế hoạch tổng mức vốn hỗ trợ của Trung ương giao cho từng chương trình.

3. Xác định các mục tiêu và các ưu tiên trong kế hoạch đầu tư phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước 3 năm 2013 - 2015. Các bộ, ngành, địa phương phải căn cứ vào các mục tiêu và định hướng phát triển chung của cả nước trong 5 năm 2011 - 2015, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác giai đoạn 2013 - 2015; những đặc điểm, điều kiện thực tế trong từng ngành, từng địa phương để xác định mục tiêu và sắp xếp thứ tự ưu tiên trong đầu tư. Trên phạm vi cả nước, trong 3 năm tới tập trung đầu tư nhằm hướng tới thực hiện

bước đột phá trong xây dựng cơ sở hạ tầng. Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án quan trọng quốc gia, các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án thuộc lĩnh vực giao thông, thủy lợi, phát triển nông nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới, phát triển đô thị, tạo việc làm, giảm nghèo, các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và các vùng khó khăn khác,...

4. Xác định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư 3 năm 2013 - 2015, gồm: Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (đầu tư theo ngành, lĩnh vực, đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương, vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách Trung ương), các nguồn vốn có tính chất ngân sách nhà nước; vốn đầu tư quản lý qua ngân sách, vốn trái phiếu Chính phủ, ODA, tín dụng đầu tư nhà nước; các nguồn vốn huy động từ các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thông qua các hình thức thích hợp.

Đối với các địa phương, vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương được xác định trên cơ sở khả năng tăng nguồn thu trong cân đối của ngân sách địa phương.

5. Xây dựng danh mục và bố trí vốn cho các dự án cụ thể: Căn cứ mục tiêu, định hướng và khả năng cân đối vốn đầu tư nêu trên, các bộ, ngành, địa phương dự kiến danh mục dự án và mức vốn cho từng dự án cụ thể theo nguyên tắc:

a) Bố trí vốn đầu tư tập trung, không dàn trải theo đúng các quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Rà soát, lập danh mục dự án chuyển tiếp đang được đầu tư từ ngân sách nhà nước.

c) Kế hoạch đầu tư 2013 - 2015 cần tập trung bố trí vốn đầu tư cho các dự án hoàn thành trong năm 2012 trở về trước thuộc nhiệm vụ đầu tư từ NSNN nhưng chưa được bố trí đủ vốn; các dự án dự kiến hoàn thành trước năm 2015 (theo tiến độ trong quyết định đầu tư, khả năng cân đối vốn và khả năng thực hiện giai đoạn 2013 - 2015); các dự án quan trọng quốc gia, các dự án trọng điểm hoàn thành sau năm 2015; hoàn trả các khoản vốn ứng trước kế hoạch đến hạn. Hạn chế tối đa việc khởi công các dự án mới khi chưa đủ nguồn vốn để hoàn thành các dự án chuyển tiếp.

Các dự án khởi công mới trong kế hoạch đầu tư năm 2013 - 2015 phải nằm trong quy hoạch đã được duyệt, thuộc nhiệm vụ ngân sách nhà nước, quyết định phê duyệt dự án và thẩm định nguồn vốn theo đúng quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, riêng các dự án thuộc các chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo; chương trình hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; chương trình hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết

việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long; chương trình di dân, tái định cư thủy điện Hòa Bình, Tuyên Quang, Sơn La; chương trình đầu tư phát triển kinh tế-xã hội tuyến biên giới Việt - Trung, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia có tổng mức đầu tư một dự án dưới 15 tỷ đồng nhưng tổng mức vốn của các dự án này không vượt quá tổng mức đầu tư của từng chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: giao các địa phương tự thẩm định vốn theo quy định.

d) Đối với các dự án đang được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, nhưng không bố trí được vốn kế hoạch đầu tư 2013 - 2015 thực hiện phân loại và xử lý như sau:

- Đối với các dự án có khả năng chuyển đổi sang các hình thức đầu tư khác: các bộ, ngành, địa phương đánh giá, phân tích và lập danh mục các dự án có khả năng chuyển đổi sang các hình thức đầu tư khác như: BOT, BT, PPP,...

- Đối với các dự án không thể chuyển đổi được sang các hình thức đầu tư khác, các bộ, ngành và địa phương chủ động huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện hoặc bố trí vốn để thanh toán khối lượng đã thực hiện và thi công đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý để phát huy hiệu quả phần vốn đã đầu tư.

6. Tổng hợp và giao kế hoạch đầu tư 2013 - 2015 cho các Bộ, ngành và vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho các địa phương:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương thực hiện rà soát, lập danh mục dự án và dự kiến bố trí vốn của các Bộ, ngành và bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho các địa phương theo các quy định tại các điểm từ 1 đến 5 nêu trên gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Căn cứ dự kiến danh mục dự án và nhu cầu vốn đầu tư của các bộ, ngành và địa phương, khả năng cân đối vốn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo Quốc hội dự kiến tổng mức vốn đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và kế hoạch năm 2013 cho các bộ, ngành và mức bổ sung có mục tiêu của ngân sách Trung ương cho các địa phương; Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo dự kiến tổng số vốn theo ngành, lĩnh vực, vốn bổ sung có mục tiêu cho các Bộ, ngành, địa phương.

Các Bộ, ngành, địa phương căn cứ danh mục dự án đầu tư đã rà soát tại điểm 5 nêu trên và tổng số vốn đầu tư Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo, xây dựng danh mục dự án và mức vốn bố trí kế hoạch 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013 cho từng dự án cụ thể, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chịu trách nhiệm về việc rà soát, xác định các danh mục dự án và bố trí vốn theo đúng nguyên tắc nêu trên trong tổng số vốn dự kiến kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013 được thông báo cho từng ngành, lĩnh vực và số vốn bổ sung có mục tiêu của từng chương trình cụ thể.

Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và dự kiến của các Bộ, ngành, địa phương nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ quyết định giao cho các Bộ, ngành ở Trung ương các chỉ tiêu kế hoạch đầu tư như quy định hiện hành và danh mục dự án; giao cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương các chỉ tiêu như quy định hiện hành và danh mục dự án đầu tư có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên thuộc nguồn vốn bổ sung có mục tiêu của Ngân sách Trung ương cho các địa phương; tổng số vốn và số dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng. Thủ tướng Chính phủ ủy quyền Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao cho các Bộ, ngành tổng số vốn phân bổ theo từng ngành, lĩnh vực đầu tư theo các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và mức vốn từng dự án cụ thể; giao cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng số vốn bổ sung có mục tiêu từng chương trình và mức vốn từng dự án có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên.

7. Về nhiệm vụ xây dựng kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013, bao gồm vốn đầu tư và vốn sự nghiệp, được chuẩn bị và tổng hợp theo các nguyên tắc và các cơ chế quản lý chương trình mục tiêu quốc gia. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, quy trình và cơ chế giao kế hoạch cụ thể.

D. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

I. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tính toán, xác định các phương án, các cân đối lớn để làm cơ sở hướng dẫn cho các Bộ, ngành, các địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 và Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013.

b) Tổ chức hướng dẫn xây dựng và tổng hợp Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013, Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013. Dự kiến khả năng huy động nguồn vốn và cân đối vốn kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013 theo ngành, lĩnh vực của các bộ, ngành cơ quan trung ương; mức vốn bổ sung có mục tiêu 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013 để các Bộ, ngành và địa phương chủ động xây dựng và triển khai thực hiện.

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tổ chức làm việc với các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013; Kế hoạch đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013; Kế hoạch đầu tư từ trái phiếu Chính phủ năm 2013.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính dự kiến phương án phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư phát triển của ngân sách Trung ương 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013 cho các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương.

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia tổng hợp phương án phân bổ dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013.

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia sửa đổi cơ chế quản lý chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng tăng cường phân cấp quản lý cho địa phương.

g) Khẩn trương xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành theo quy định Nghị định về đầu tư trung hạn.

2. Bộ Tài chính:

a) Hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2012 và lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 và dự kiến cân đối ngân sách nhà nước trong 3 năm 2013 - 2015.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tổ chức làm việc với các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước) về dự toán ngân sách nhà nước năm 2013.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến phương án phân bổ chi thường xuyên của ngân sách trung ương năm 2013, dự kiến số bổ sung có mục tiêu chi thường xuyên năm 2013 từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan xây dựng và tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước năm 2013; phương án phân bổ ngân sách trung ương năm 2013 trình Chính phủ cho ý kiến để trình Quốc hội quyết định. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cân đối nguồn vốn và xây dựng kế hoạch đầu tư 2013 - 2015 từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định.

đ) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan chủ trì quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia sửa đổi cơ chế quản lý chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng tăng cường phân cấp quản lý cho địa phương.

3. Các Bộ, cơ quan chủ trì quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia do nhiều Bộ, cơ quan, đơn vị và địa phương phối hợp thực hiện:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn các Bộ, cơ quan, đơn vị và các địa phương liên quan đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án của chương trình mục tiêu quốc gia năm 2012 và lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, Kế hoạch vốn đầu tư và vốn sự nghiệp 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan dự kiến nhiệm vụ và phương án phân bổ dự toán chi ngân sách chương trình mục tiêu quốc gia 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013 (trong phạm vi tổng mức dự kiến kinh phí do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thông báo) cho từng Bộ, cơ quan, đơn vị và các địa phương liên quan, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để thẩm định, tổng hợp trình Chính phủ, trình Quốc hội quyết định.

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính sửa đổi cơ chế quản lý chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng tăng cường phân cấp quản lý cho địa phương.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, các địa phương, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 của ngành, lĩnh vực phụ trách và kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 của cơ quan, đơn vị, tổ chức mình.

b) Các Bộ, cơ quan nhà nước theo chức năng của mình, trên cơ sở tính toán các nguồn lực có thể khai thác được, xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực mình phụ trách. Đề xuất các giải pháp, các cơ chế, chính sách, chế độ mới hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách hiện hành trình cấp thẩm quyền ban hành trước thời điểm lập dự toán ngân sách (trước ngày 20 tháng 7 năm 2012), gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các Bộ, các cơ quan liên quan làm căn cứ xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Hướng dẫn, tổ chức và chỉ đạo các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành khác xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước của địa phương, chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ trong việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách của cấp mình.

b) Tổ chức lấy ý kiến của các tổ chức đoàn thể, các cộng đồng dân cư về dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013 nhằm tạo sự đồng thuận cao, trình cấp có thẩm quyền quyết định; đồng thời, báo cáo các cơ quan Trung ương theo quy định.

II. TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Trong tháng 6 năm 2012, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn Khung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và số dự kiến giao thu chi ngân sách nhà nước năm 2013, Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013.

2. Sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn Khung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và số dự kiến giao thu chi ngân sách nhà nước năm 2013, Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, các địa phương, cơ quan, đơn vị khác có sử dụng ngân sách nhà nước trên cơ sở tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm 2012, triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013; kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ năm 2013 gửi báo cáo đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Kiểm toán Nhà nước trước ngày 20 tháng 7 năm 2012.

3. Trong tháng 8 năm 2012, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013; đồng thời, dự kiến phương án phân bổ các chỉ tiêu kế hoạch và ngân sách nhà nước năm 2013, Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013.

4. Trước ngày 10 tháng 9 năm 2012, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, các địa phương, cơ quan, đơn vị khác có sử dụng vốn đầu tư ngân sách nhà nước tiếp thu ý kiến của các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các cơ quan liên quan hoàn chỉnh Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013; kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ năm 2013 gửi lại Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Kiểm toán Nhà nước.

5. Trong tháng 9 năm 2012, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013 để Chính phủ cho ý kiến, hoàn chỉnh, trình Quốc hội theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Trước ngày 15 tháng 10 năm 2012, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo dự kiến mức kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước 3 năm 2013-2015 và năm 2013; kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ năm 2013 cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương, các cơ quan, đơn vị khác sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

7. Trước ngày 31 tháng 10 năm 2012, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương, các cơ quan, đơn vị khác trên cơ sở tổng mức vốn được thông báo dự kiến danh mục dự án và mức vốn bố trí cụ thể cho từng dự án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

8. Trước ngày 20 tháng 11 năm 2012, căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách năm 2013, Kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013; kế hoạch đầu tư từ trái phiếu Chính phủ năm 2013 cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương, các cơ quan, đơn vị khác.

9. Trước ngày 30 tháng 11 năm 2012, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính giao chi tiết cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức khác dự toán ngân sách nhà nước năm 2013; Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013; kế hoạch đầu tư từ trái phiếu Chính phủ năm 2013.

10. Trước ngày 10 tháng 12 năm 2012, các địa phương quyết định và giao kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch trái phiếu Chính phủ cho cấp dưới trên cơ sở nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ giao và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính. Bảo đảm dự toán ngân sách cấp xã được quyết định trước ngày 31 tháng 12 năm 2012.

11. Trước ngày 31 tháng 12 năm 2012:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương và các địa phương thông báo danh mục và mức vốn đầu tư kế hoạch năm 2013 cho các đơn vị triển khai thực hiện.

- Các đơn vị dự toán quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách, phân bổ cho từng đơn vị trực thuộc trên cơ sở nhiệm vụ và dự toán được cấp có thẩm quyền giao, hướng dẫn.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chỉ thị này./:

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b). **270**

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng